TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số:77/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Thọ
2. Ông Nguyễn Tiến Hường

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hằng - Là Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Đường X, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Đường N, phường J, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ bà Nguyễn Thị Bích P khai: Bà kết hôn với ông Trần Văn T vào ngày 08/7/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường J, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà chồng ở đường N, phường J, thành phố Đ. Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh bài và vợ chồng xích mích về vấn đề tiền bạc. Bà khuyên nhủ nhiều nhưng ông T không nghe, vẫn chứng nào tật nấy từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vả, xích mích thường xuyên, từ tháng 10/2016 đến nay vợ chồng ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Theo bản tự khai của ông Trần Văn T: Ông T xác nhận lời trình bày của bà P về thời gian kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại đường N, phường J, thành phố Đà Lạt. Cuộc sống chung hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, chi tiêu không rõ ràng. Hiện tại vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay. Nay bà P xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Nhã Q, sinh ngày 18/8/2015. Hiện con đang ở với mẹ. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con cho bà P nuôi dưỡng, bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên xác định không có.

Về nợ chung: Hai bên xác định không có.

Tại phiên toà, bà P giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con, bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Bích P xin ly hôn ông Trần Văn T, địa chỉ đường N, phường J, thành phố Đ, theo Điều 28 và 35 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nhận thấy bà P, ông T đều thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau về vấn đề tiền bạc dẫn đến cãi vả, xích mích, không giải quyết dứt điểm được dẫn đến tình cảm mất dần, từ tháng 10/2016 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Bà P yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T đồng ý thuận tình ly hôn. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân trên thể hiện mâu thuẫn giữa bà P và ông T không thể hàn gắn, cuộc sống chung có thể kéo dài thì mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của hai bên, cho P và ông T được ly hôn là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Nhã Q, sinh ngày 18/8/2015. Ly hôn, bà P yêu cầu nuôi con, ông T đồng ý giao con cho bà P nuôi dưỡng, vì vậy giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, đề cập.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P, ông T đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, đề cập.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích P xin ly hôn ông Trần Văn T. Cho bà Nguyễn Thị Bích P và ông Trần Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Nhã Q, sinh ngày 18/8/2015 cho bà Nguyễn Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đ bà P đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2015/0008253 ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

Bà P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND phường J, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký tên và đóng dấu

Đoàn Thị Tuyết Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Tiến Hường- Trương Minh Thọ **Đoàn Thị Tuyết Nga**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trương Minh Thọ

+ Ông Nguyễn Tiến Hường

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2017 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích Phượng**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 123/1 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Bị đơn: Ông **Trần Văn Thành**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 493/20 Nguyên Tử Lực, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

Căn vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viên kiểm sát, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về quan hệ tranh chấp:

+ Ý kiến của Hội thẩm Trương Minh Thọ: Bà Phượng xin ly hôn, ông Thành đồng ý ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Xin ly hôn"

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Nguyễn Tiến Hường: thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Trương Minh Thọ.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

2. Về điều luật và các văn bản pháp luật được áp dụng:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Nguyễn Tiến Hường:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 146, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Trương Minh Thọ: thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Nguyễn Tiến Hường.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

3. Về giải quyết các vấn đề của vụ án:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Trương Minh Thọ: Về quan hệ hôn nhân: Xét bà Phượng và ông Thành kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phượng và ông Thành là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nhận thấy bà Phượng, ông Thành đều thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau về vấn đề tiền bạc dẫn đến cãi vả, xích mích, không giải quyết dứt điểm được dẫn đến tình cảm mất dần, từ tháng 10/2016 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Bà Phượng yêu cầu được ly hôn với ông Thành, ông Thành đồng ý thuận tình ly hôn. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân trên thể hiện mâu thuẫn giữa bà Phượng và ông Thành không thể hàn gắn, cuộc sống chung có thể kéo dài thì mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của hai bên, cho Phượng và ông Thành được ly hôn là thỏa đáng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Nhã Quỳnh, sinh ngày 18/8/2015. Ly hôn, bà Phượng yêu cầu nuôi con, ông Thành đồng ý giao con cho bà Phượng nuôi dưỡng, vì vậy giao con chung cho bà Phượng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phượng không yêu cầu ông Thành cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phượng, ông Thành đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, đề cập.

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Nguyễn Tiến Hường: thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Trương Minh Thọ.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

4. Về án phí:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Nguyễn Tiến Hường:

Về án phí: Bà Phượng phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Trương Minh Thọ: thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Nguyễn Tiến Hường.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 0

0 phút, cùng ngày. Biên bản đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Tiến Hường - Trương Minh Thọ **Đoàn Thị Tuyết Nga**